

Số: 138/2021/QĐST-HNGĐ

T, ngày 01 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Đình T, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh T,

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh T;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị L có 02 (hai) con chung là :

Trịnh Đình T, sinh ngày 25/02/2009.

Trịnh Đình H, sinh ngày 16/02/2013.

Anh Trịnh Đình T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trịnh Đình T và Trịnh Đình H; Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh Trịnh Đình T và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Đình T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh Tài đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006461 ngày 08/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Trịnh Đình T được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đăng Tuấn